

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn : **Hóa học**

Lớp : **9**

Người ra đề : **PHAN THỊ BÃY**

Đơn vị : **THCS Võ Thị Sáu**

III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA :

Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức								Cộng
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng ở mức độ cao hơn		
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1. Chương 1: Các loại hợp chất vô cơ	- Phân loại được oxit -Biết tính chất hóa học của oxit -Biết tính chất hóa học của axit -Biết tính chất hóa học của bazơ		-Nắm được tính chất hóa học của các loại hợp chất vô cơ		-Tính được phần trăm các chất trong hỗn hợp		Tính được khối lượng dung dịch axit		4,2/3
Số câu hỏi	3(1,2,5,)			1(1)		1/3(2)		1/3(2)	
Số điểm	1			2,0		0,75		0,75	
2. Chương 2: Kim loại	- _ Xác định được loại phản ứng -Biết biện pháp bảo vệ kim loại không bị ăn mòn -Biết phương pháp làm sạch kim loại -Biết được tính chất hóa học của nhôm - Biết tính chất vật lí của KL		Biết cách tinh chế chất -Hiểu ý nghĩa của dãy HĐHH kim loại		-Viết được các PTHH. -Biết được tính chất hóa học của nhôm -Tính được khối lượng của KL				10,1/3
Số câu hỏi	4(4,12,14 6)		3(9,10, 13)		3(3,7, 11)		1/3(2)		
Số điểm	1,3		1,0		1		0,5		
3. Chương 3: phi kim	- Biết tính chất vật lí, tính chất hóa học của clo				-				2
Số câu hỏi	2(8,15)								
Số điểm	0,7								
4. Tổng hợp các nội dung trên.									1
Số câu hỏi	1(3)								
Số điểm	1								
Tổng số câu	10		4		3,5		0,5		18
Tổng số điểm	4		3		2		1		10.0
Tỷ lệ	(40%)		(30%)		(20%)		(10%)		(100%)

III. MA TRẬN :

Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức								Cộng
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng ở mức độ cao hơn		
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1. Chương1: Các loại hợp chất vô cơ									
Số câu hỏi	3			1		1/3		1/3	4,2/3
Số điểm	1			2,0		0,75		0,75	4
2. Chương 2: Kim loại									
Số câu hỏi	4	1	3		3	1/3			11,1/3
Số điểm	1,3	1.0	1,0		1	0,5			4,8
3. Chương3:phi kim					-				
Số câu hỏi	2								2
Số điểm	0,7								0,7
4. Tổng hợp các nội dung trên.									
Số câu hỏi									
Số điểm									
Tổng số câu	10		4		3,5		0,5		18
Tổng số điểm	4		3		2		1		10.0
Tỷ lệ	(40%)		(30%)		(20%)		(10%)		(100%)

III. BẢNG ĐẶC TẢ :

Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức								Cộng
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng ở mức độ cao hơn		
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1. Chương 1: Các loại hợp chất vô cơ	- Phân loại được oxit -Biết tính chất hóa học của oxit -Biết tính chất hóa học của axit -Biết tính chất hóa học của bazơ		-Nắm được tính chất hóa học của các loại hợp chất vô cơ		-Tính được phần trăm các chất trong hỗn hợp		Tính được khối lượng dung dịch axit		
Số câu hỏi	3(1,2,5,)			1(1)		1/3(2)		1/3(2)	4,2/3
Số điểm	1			2,0		0,75		0,75	4
2. Chương 2: Kim loại	- _ Xác định được loại phản ứng -Biết biện pháp bảo vệ kim loại không bị ăn mòn		Biết cách tinh chế chất -Hiểu ý nghĩa của dãy HĐHH kim loại		-Viết được các PTHH. -Biết được tính chất hóa học của nhôm				

	-Biết phương pháp làm sạch kim loại -Biết được tính chất hóa học của nhôm - Biết tính chất vật lí của KL				-Tính được khối lượng của KL				
Số câu hỏi	4(4,12,14 6)	1(3)	3(9,10, 13)		3(3,7, 11)	1/3(2)		11,1/3	
Số điểm	1,3	1.0	1,0		1	0,5		4,8	
3. Chương 3:phi kim	- Biết tính chất vật lí, tính chất hóa học của clo				-				
Số câu hỏi	2(8,15)							2	
Số điểm	0,7							0,7	
4. Tổng hợp các nội dung trên.									
Số câu hỏi									
Số điểm									
Tổng số câu	10		4		3,5		0,5		18
Tổng số điểm	4		3		2		1		10.0
Tỷ lệ	(40%)		(30%)		(20%)		(10%)		(100%)

Họ và tên HS:	KIỂM TRA HỌC KỲ I (2023 – 2024)		Mã phách
Lớp:.....Trường THCS Võ Thị Sáu	MÔN: HÓA 9		
Số báo danh:	Phòng thi :	Thời gian làm bài : 45 phút	

Điểm	Chữ ký của giám khảo	Chữ ký của giám thị	Mã phách

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN:(5.0đ)

Chọn đáp án đúng nhất :

Câu 1. Chất nào sau đây là oxit axit?

- A. NO. B. MgO. C. Fe₂O₃. D. P₂O₅.

Câu 2. Oxit nào sau đây tác dụng được với nước tạo thành dung dịch làm quì tím hóa xanh?

- A. Fe₂O₃. B. Na₂O. C. P₂O₅. D. SO₃.

Câu 3. Cho lượng dư kim loại sắt phản ứng hoàn toàn với 200 ml dung dịch AgNO₃ 0,1 M. Khối lượng sắt (gam) tham gia phản ứng là:

- A. 0,56. B. 5,60. C. 1,12. D. 11,20.

Câu 4. Kim loại nào sau đây phản ứng được với dung dịch NaOH?

- A. Ag. B. Fe. C. Al. D. Cu.

Câu 5. Chất nào sau đây tác dụng với dung dịch H₂SO₄ tạo kết tủa trắng?

- A. KOH. B. Al₂O₃. C. Ba(OH)₂. D. Fe.

Câu 6. Kim loại nào sau đây có màu trắng xám?

- A. Fe. B. Cu. C. Ag. D. Au.

Câu 7. Bột nhôm cháy trong oxi tạo thành chất rắn màu gì?

- A. Nâu đỏ. B. Trắng. C. Vàng. D. Xanh

Câu 8. Khí clo có màu

- A. nâu đỏ. B. trắng xanh. C. lục nhạt. D. vàng lục.

Câu 9. Để tinh chế dung dịch ZnSO₄ có lẫn tạp chất CuSO₄, có thể dùng lượng dư kim loại nào?

- A. Zn. B. Fe. C. Cu. D. Al.

Câu 10. Dãy nào sau đây gồm các kim loại được sắp xếp theo chiều giảm dần khả năng hoạt động hóa học?

- A. Na, Mg, Zn, Cu, Ag. B. Al, Zn, Na, Fe, Cu.
C. Mg, Al, Na, Fe, Cu. D. Pb, Al, Mg, Na, K.

Câu 11: Cho dây nhôm vào dung dịch CuSO₄, hiện tượng hoá học quan sát được ngay là:

- A. không có hiện tượng gì xảy ra.
B. dung dịch chuyển sang màu hồng.
C. dung dịch màu xanh lam nhạt dần, kim loại màu đỏ bám trên dây nhôm
D. sủi bọt khí mạnh.

Câu 12. Biện pháp nào sau đây **không** làm giảm sự ăn mòn kim loại?

- A. Bôi dầu mỡ lên bề mặt kim loại B. Sơn, mạ lên bề mặt kim loại
C. Để đồ vật nơi khô ráo D. Ngâm kim loại trong nước muối

Câu 13. Chất nào sau đây **không** phản ứng được với dung dịch H₂SO₄ loãng?

- A. Fe. B. Mg. C. Zn. D. Cu.

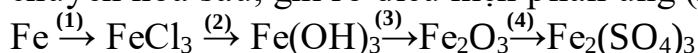
Câu 14. Phản ứng giữa H₂SO₄ và Na₂CO₃ thuộc loại phản ứng:

- A. trao đổi. B. phân hủy. C. hóa hợp. D. trung hòa .

Câu 15. Dẫn khí Clo vào nước có nhúng giấy quì tím, giấy quì tím sẽ:

- A. không đổi màu. B. chuyển màu xanh.
C. chuyển màu đỏ, sau đó mất màu. D. không có hiện tượng.

II. TỰ LUẬN: (5.0đ) Câu 1.(2,0điểm) Viết các phương trình hóa học thực hiện dãy chuyển hóa sau, ghi rõ điều kiện phản ứng (nếu có).



Câu 2.(2,0điểm)Hòa tan 25,95 gam hỗn hợp X gồm Zn và ZnO trong dung dịch HCl 12% vừa đủ. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 3,36 lít khí (đktc).

- Viết phương trình hóa học của phản ứng xảy ra.
- Tính thành phần phần trăm theo khối lượng mỗi chất trong hỗn hợp X.
- Tính khối lượng dung dịch HCl 12% đã dùng.

Câu 3. (1.0đ) Chỉ được dùng quỳ tím, hãy nhận biết các dung dịch riêng biệt sau (chứa trong các lọ mất nhãn): H_2SO_4 , KCl , BaCl_2 , NaOH . Viết phương trình hóa học xảy ra.

(H: 1, Zn:65, O:16, Cl:35,5, Fe; 56)

BÀI LÀM:

[illegible]

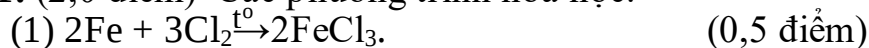
HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM

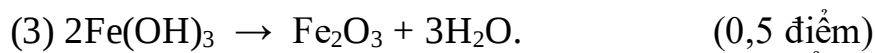
I/TNKQ: (5.0 điểm) (Đúng 3 câu được 1đ)

1-D	2-B	3-A	4-C	5-C	6-A	7-7	8-D	9-A	10-A	11-C	12-D	13-D	14-A	15-C
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	------	------	------	------	------	------

II. TỰ LUẬN: (5.0đ)

Câu 1: (2,0 điểm) Các phương trình hóa học:





Câu 2: (2,0 điểm)

a) Viết đúng các phương trình hóa học:



b) Tính đúng % khối lượng của Zn và ZnO trong hỗn hợp (0,5 điểm)

Số mol của H_2 : 0,15 mol

Số mol của Zn: 0,15 mol

Khối lượng của Zn: 9,75 gam

% Zn: 37,57%

% ZnO: 62,43%

c) Tính đúng khối lượng dung dịch HCl cần dùng (0,1 điểm)

Khối lượng ZnO: 16,2 gam

Số mol ZnO: 0,2 mol

Số mol HCl (1) và (2): 0,7 mol

Khối lượng HCl: 25,55 gam

Khối lượng dung dịch HCl 12%: 212,92 gam

Câu 3/(1đ)

Dùng quì tím nhận biết được

Chuyển thành màu đỏ: H_2SO_4 0,25 đ

Chuyển thành màu xanh: NaOH 0,25 đ

Không chuyển màu: KCl, BaCl_2 0,25 đ

Dùng H_2SO_4 nhận biết BaCl_2 lọ còn lại KCl 0,25 đ